TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2026/KDTM -ST
Ngày: 12- 9 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Nhớ

- Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2026/TLST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1256/2026/QĐXXST-KDTM ngày 04/9/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1022/2026/QĐST-KDM ngày 28/8/2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty TNHH T; Địa chỉ: A N, phường T, TP . Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn P– Giám đốc; Mã số doanh nghiệp: 0400124881 do Phòng doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh-Sở T1,đăng ký lần dầu 28/01/1994 thay đổi lần thứ 30 ngày 01/8/2025

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Khánh A, số CCCD: 048194002089 cấp ngày 03/07/2026 tại Cục Qvề TTXH theo giấy ủy quyền số 45/2026/HK-UQ ngày 21.05.2026

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV V;Địa chỉ tại số A C, phường C, TP .;Đại diện theo pháp luật là ông Trần Ngọc L,chức vụ Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/05/202 , quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Bản khai trình bày:*

Công ty TNHH MTV T (gọi tắt là Công ty T), mã số doanh nghiệp: 0400596122 có tư cách pháp nhân là công ty con do Công ty Tsở hữu 100% vốn điều lệ. Theo Hợp đồng sáp nhập số 89/2024/HK-HKI ngày 21/10/2024, Công ty T đã chính thức sáp nhập vào Công ty T,do đó Công ty Thiện là pháp nhân kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng mua bán xăng dầu số 14/2020/HĐTT-HK11 ký ngày 01/01/2020 giữa Công ty Tvà Công ty V,Công ty Tđã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng, phương thức và thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên công ty Vkhông thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ theo nội dung hợp đồng đã ký kết và thường xuyên để công nợ vượt hạn mức đã thỏa thuận.

Tại thời điểm kết thúc hợp đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty V còn nợ Công ty Tsố tiền là: 45.959.000 đồng

Hợp đồng 14/2020/HĐTT-HK11 ký ngày 01/01/2020 kết thúc nhưng Công ty Vvà Công ty Tvẫn tiếp tục giao dịch mua bán xăng dầu. Do đó phát sinh thêm công nợ của tháng 01/2021 với số tiền 12.600.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền công nợ phía Ngô Hoàng P1hiện còn phải trả cho Công ty Tlà 58.559.000 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi chín ngàn đồng)*

Từ thời điểm ngưng giao dịch cho đến nay, mặc cho Công ty Tđã nhiều lần gửi văn bản, thông báo thanh toán và đề nghị ký xác nhận công nợ, phía Công ty V vẫn từ chối xác nhận cũng như trốn tránh, không thực hiện đúng nghĩa vụ phải thanh toán của mình

- Về tiền lãi : Căn cứ theo điều 4.5 hợp đồng mua bán xăng dầu dùng cho khách hàng sử dụng trực tiếp số: *14/2020/HĐTT-HKI* ngày 01 tháng 01 năm 2020 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Tvà Công ty TNHH Một Thành Viên V Ngô Hoàng P1 về nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán của Bên B, Nguyên đơn kính gửi Quý Tòa thông tin về số tiền lãi chậm thanh toán mà Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả, cụ thể như sau. Tổng thời gian nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.984 ngày (Tính từ ngày 21/02/2021 đến ngày 28/07/2026). Mức tính lãi suất là 10%/ năm đối với số tiền nợ gốc 58.559.000 đồng (căn cứ theo Luật Dân sự 2015) thành tiền 31.830.426 đồng

Yêu cầu khởi kiện cụ thể:

Nay Công ty TNHH T làm đơn khởi kiện này, kính đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 3 Đà Nẵng công minh xem xét, thực thi trách nhiệm Pháp luật, xử lý vi phạm dân sự đối với Công ty V, buộc Công ty TNHH MTV V và du lịch Ngô Hoàng P1 phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền hàng còn nợ 58.559.000 đồng. Về tiền lãi chậm thanh toán là 31.830.426 đồng, công ty HK đã gởi đơn xin rút yêu cầu tiền lãi đã đề nghị, Công ty T chỉ yêu cầu Công ty V trả số nợ hàng xăng dầu còn nợ 58.559.000 đồng

* Công ty TNHH MTV V Ngô Hoàng P1 là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 217 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 430,433,440 Bộ luật Dân sự; Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với Công ty TNHH MTV V và du lịch Ngô Hoàng P1 về việc *" Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa "*

- Buộc Công ty TNHH MTV V và du lịch Ngô Hoàng P1 thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền nợ mua bán xăng dầu là 58.559.000 đồng

- Về án phí: Công ty TNHH MTV V Ngô Hoàng P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, s*au khi thảo luận và nghị án, *Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH T khởi kiện Công ty TNHH MTV V;Địa chỉ tại số A C, phường C, TP . về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Do đó, thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn đối với bị đơn thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền nghĩa vụ theo quy định tố tụng dân sự và xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn là Công ty TNHH MTV VNgô Hoàng P1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. Công ty TNHH MTV T(gọi tắt là Công ty T), mã số doanh nghiệp: 0400596122 có tư cách pháp nhân là công ty con do Công ty Tsở hữu 100% vốn điều lệ. Theo Hợp đồng sáp nhập số 89/2024/HK-HKI ngày 21/10/2024, Công ty T đã chính thức sáp nhập vào Công ty T,do đó Công ty Thiện là pháp nhân kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan nên được tiến hành khởi kiện công nợ của Công ty TNHH MTV Tcòn tồn là đúng quy đinh.

[2.2]. Trước đây Công ty TNHH MTV T(gọi tắt Công ty Tbên A) và Công ty TNHH MTV V Ngô Hoàng P1 (gọi tắt Công ty V– bên B)có thỏa thuận ký kết 14/2020/HĐTT-HK11 ký ngày 01/01/2020 với nội dung: Bên A đồng ý bán cho bên B xăng dầu các loại, dầu Diesel 0,05S, số lượng theo nhu cầu thực tế của bên B đề nghị; Dầu mỡ nhờn các loại theo chi tiết đặt hàng của bên B; Hợp đồng ghi nhận cụ thể về giá cả hàng hoá các điều kiện và phương thức giao nhận hàng, phương thức thanh toán và trách nhiệm của các bên.

Theo trình bày và chứng cứ của Công ty TNHH T cung cấp tại hồ sơ khởi kiện thì thấy: sau khi hai bên ký kết hợp đồng thì phía Công ty Vđã mua của Công ty Tsố lượng xăng dầu các loại theo hình thức đó là các phương tiên vận tải của Công ty Vđiều xe đến nhận xăng, dầu sau khi cung cấp trực tiếp thì số lượng hàng được ghi nhận vào phiếu giấy đề nghị cấp hàng, kiêm nhận nợ của Công ty Vlập sẵn đóng dấu và giao liên 2 cho bên giao hàng là Công ty V. Việc mua bán hàng theo phương thức nêu trên kéo dài kể từ khi hai bên ký hợp đồng nhưng công nợ bắt đầu phát sinh từ tháng 7,9,10,11,12 năm 2020; Phía Công ty Tchứng minh được đã lập đầy đủ chứng từ cho từng đơn hàng đã giao dịch, kèm bản kê cụ thể số

lượng giao dịch hàng hóa đã mua bán và gởi cho Công ty V đối soát. Đến ngày 10/02/2021 thì Công ty V có giấy xác nhận công nợ đối với số lượng xăng dầu đã mua của Công ty T chốt đến hết ngày 31/12/2020 thành tiền là 45.959.000 đồng;

Hợp đồng 14/2020/HĐTT-HK11 ký ngày 01/01/2020 kết thúc nhưng Công ty V và Công ty T vẫn tiếp tục giao dịch mua bán xăng dầu. Do đó phát sinh thêm công nợ của tháng 01/2021 với số tiền 12.600.000 đồng

Đối với công nợ phát sinh của Hợp đồng 14/2020/HĐTT-HK11 ký ngày 01/01/2020 được đối chiếu khoản nợ tiền hàng với các phiếu đề nghị cấp hàng, kiêm nhận nợ và các hóa đơn chứng từ bán hàng của Công ty T trích từ bản kê khai thuế doanh nghiệp thì tổng giá trị phát sinh được thể hiện trên bảng kê chi tiết là 46.575.000 đồng có chênh với số tiền phía Công ty V xác nhận công nợ hết năm 2020 số tiền hàng 45.959.000 đồng. Theo như đại diện của Công ty T thì việc chênh lệch theo chứng từ kê khai là do việc mua bán hai bên đã lâu nên khi kiểm tra đối chiếu được cấn trừ thì Công ty V xác nhận số nợ tiền hàng hết năm 2020 là 45.959.000 đồng, công ty T thống nhất số công nợ này và đề nghị Công ty V có trách nhiệm thanh toán dứt điểm.

Theo quy định tại điều 4 của hợp đồng nêu trên về phương thức và thời hạn thanh toán thì bên Công ty T đã thực hiện đầy đủ các quy định bao gồm lập chứng từ hóa đơn gởi bên Công ty V và đề nghị thanh toán tuy nhiên phía công ty V không thực hiện, Quá trình Công ty T khởi kiện, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, liên hệ phía công ty V theo đúng quy đinh tố tụng nhưng phía Công ty V không cung cấp ý kiến phản hồi nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Hôi đồng xét xử xét thấy các khoản công nợ đều phù hợp với các chứng từ kế toán mà công ty T đã chứng minh, phù hợp với các hóa đơn trên bản kê khai thuế doanh nghiệp của Công ty T cung cấp dù số công nợ năm 2020 theo giấy xác nhận với hóa đơn kê khai có chênh lệch nhưng đại diện của Công ty V lập giấy xác nhận số nợ tiền hàng hết năm 2020 số tiền 45.959.000 đồng, công ty T thống nhất và chỉ yêu cầu được thanh toán theo giấy xác nhận nợ này. Như vậy số nợ tiền hàng xăng, dầu của Công ty V đối với Công ty T theo giấy xác nhận công nợ hết năm 2020 là 45.959.000 đồng và nợ tiền xăng, dầu phát sinh thêm của tháng 01/2021 là 12.600.000 đồng, Tổng công nợ Công ty V chưa thanh toán dứt điểm là 58.559.000 đồng có cơ sở nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T buộc Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty T.

[2.3]. Về tiền lãi: Nguyên đơn có yêu cầu tính lãi căn cứ theo điều 4.5 hợp đồng mua bán xăng dầu dùng cho khách hàng sử dụng trực tiếp số: *14/2020/HĐTT-HKI* ngày 01 tháng 01 năm 2020 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Tvà Công ty TNHH Một Thành Viên VNgô Hoàng P1 về nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán của và thời gian chậm thanh toán là 1.984 ngày (Tính từ ngày 21/02/2021 đến ngày 28/07/2026). Mức tính lãi suất là 10%/ năm đối với số tiền nợ gốc 58.559.000 đồng (căn cứ theo Luật Dân sự 2015) thành tiền là Tuy nhiên sau khi đưa yêu cầu tại phiên họp công khai chứng cứ thì đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về lãi nên không xem xét về tiền lãi

[3] Về án phí:

- Công ty TNHH MTV VNgô Hoàng P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 430,433,440 Bộ luật Dân sự; Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại; ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa."* của Công ty TNHH T với Công ty TNHH MTV Vvà du lịch Ngô Hoàng P1 về nợ tiền hàng

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH MTV VNgô Hoàng P1 trả cho Công ty TNHH T số tiền hàng xăng dầu còn nợ là 58.559.000 đồng *(năm mươi tám nghìn, năm trăm năm mười chín nghìn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2 . Về án phí:

- Công ty TNHH MTV VNgô Hoàng P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.927.950 đồng *(hai triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi đồng)*

- Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng tại biên lai thu số 0006288 ngày 12/06/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân